

27.12.2024. Khảo sát thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ - plagchecked.doc

By Thuy

Survey on assessing language competence of children aged 12 to 36 months by teachers in preschool

ABSTRACT

38

Language serves as both a means of communication and a cognitive tool for human beings. During the early years of life, children undergo a rapid process of language formation and development within the family and classroom environments. Notably, the period from 12 to 36 months of age is a critical time for language development in children, as it represents a golden window for language acquisition through interactions with others in specific contexts. For children, language development plays a particularly vital role in cognitive growth, personality formation, and overall development. It serves as a tool for communication, learning, and play. Consequently, constructing an assessment toolkit for evaluating listening comprehension and expressive language abilities in children aged 12 to 36 months is of utmost importance. Our team conducted a survey to assess the current practices of language competence evaluation by teachers in preschools, providing practical insights for developing such an assessment toolkit.

Keywords: *Assessment, language competence, children aged 12 to 36 months.*

Khảo sát thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12 đến 36 tháng tuổi của giáo viên ở trường mầm non

TÓM TẮT

Ngôn ngữ có chức năng giao tiếp và là công cụ tư duy của con người. Trong những năm đầu đời, trẻ em trải qua quá trình hình thành và phát triển ngôn ngữ mạnh mẽ trong môi trường gia đình và lớp học. Đặc biệt, giai đoạn từ 12 đến 36 tháng tuổi là thời điểm vàng để phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Đây là khoảng thời gian trẻ học nói thông qua các tiếp xúc với người khác trong những môi trường nhất định. Đối với trẻ em, sự phát triển ngôn ngữ đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển tư duy, hình thành và phát triển nhân cách; là công cụ để trẻ giao tiếp, học tập và chơi. Vì vậy, việc xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi là vô cùng cấp thiết. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ của giáo viên tại các trường mầm non để làm căn cứ thực tiễn xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

Từ khóa: Đánh giá, năng lực ngôn ngữ, trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

1. MỞ ĐẦU

Trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi là thời kỳ rất nhạy cảm đối với sự phát triển ngôn ngữ. Chính trong thời kỳ này, lĩnh hội ngôn ngữ mẹ đẻ diễn ra hiệu quả, có vai trò quan trọng mang tính quyết định đến sự hình thành và phát triển toàn diện của trẻ. Muốn phát triển ngôn ngữ cho trẻ, phải đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ. Bởi đây chính là cơ sở để nhà giáo dục có thể xác định được mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp tác động nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ một cách hiệu quả. Việc kiểm tra sự phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi còn gặp nhiều khó khăn, không thường xuyên và khó có thể xác định được chính xác khả năng ngôn ngữ của trẻ, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Để xây dựng được bộ công cụ đánh giá khả năng ngôn ngữ của trẻ độ tuổi này, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu thực tiễn qua việc khảo sát thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi của giáo viên tại các trường mầm non làm căn cứ để xuất xây dựng bộ công cụ. Bài viết dưới đây là kết quả khảo sát đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi (sản phẩm đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ mã số B2023.CM2.01).

2. NỘI DUNG

2.1. Một số vấn đề lý luận về đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng

2.1.1. Một số khái niệm

Năng lực ngôn ngữ “là khả năng lĩnh hội và truyền tải thông tin một cách hiệu quả thông qua ngôn ngữ; thể hiện ở các bình diện ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp” (Dinh, 2018)¹.

Năng lực nghe hiểu lời nói “là khả năng người tiếp nhận lời nói nghe được âm thanh ngôn ngữ, hiểu ý nghĩa của âm thanh ấy trên cơ sở hiểu được ý nghĩa của từ, từ đó hiểu được nội dung thông báo do câu và chuỗi câu mang lại. Đối với trẻ em, năng lực nghe hiểu nói thể hiện ở việc trẻ nghe đúng âm thanh lời nói, hiểu và thực hiện được các yêu cầu bằng lời nói hoặc trả lời được câu hỏi của người khác. Sự phát triển của năng lực nghe hiểu lời nói phản ánh sự phát triển của ngôn ngữ thụ động” (Nguyen et al., 2023)².

Năng lực sử dụng lời nói “là khả năng truyền tải thông điệp có chủ định bằng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp xã hội (ngôn ngữ chủ động, expressive language). Đây là khả năng người nói sử dụng được các kỹ năng ngôn ngữ như phát âm, sử dụng từ, đặt câu và liên kết câu để biểu đạt được nội dung giao tiếp bằng ngôn ngữ. Năng lực sử dụng lời nói ở trẻ nếu được trau dồi, rèn luyện đúng cách, đúng mức, có thể giúp đứa trẻ thực hiện được các hoạt động khác nhau trong cuộc sống, góp phần phát triển toàn diện nhân cách trẻ” (Nguyen et al., 2023)².

Đánh giá năng lực ngôn ngữ của một đối tượng “là quá trình thu thập các dữ kiện về năng lực ngôn ngữ của đối tượng đó và đưa ra nhận định về mức độ đạt được theo các tiêu chí về

năng lực ngôn ngữ của độ tuổi đã được xác định trong các tiêu chuẩn” (Nguyen et al., 2023)²

2.1.2. Tầm quan trọng của việc đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Phát triển ngôn ngữ có vai trò đặc biệt qua 36 tháng đối với con người, đặc biệt là đối với trẻ em lứa tuổi mầm non - lứa tuổi mà trẻ đang trên con đường phát triển và hoàn thiện về các chức năng tâm sinh lý.

“Ngôn ngữ là yếu tố có vai trò quan trọng mang tính quyết định đến sự hình thành và phát triển toàn diện trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi. Sự hình thành ngôn ngữ là cơ sở mang tính nền tảng cho sự phát triển các quá trình tâm lý nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ... và sự phát triển các dạng hoạt động cơ bản của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi như hoạt động với đồ vật, hoạt động học tập, vui chơi, các hoạt động vệ sinh, chăm sóc và tự phục vụ bản thân... Như vậy, ngôn ngữ có thể được coi là phương tiện quan trọng giúp trẻ tư duy và lĩnh hội nền văn hóa nhân tộc, biểu đạt suy nghĩ, ý kiến, tưởng tượng cảm của bản thân với cha mẹ, bạn bè, cô giáo và những người lớn xung quanh trẻ” (Dang et al., 2021)³.

Để giúp trẻ 12 đến 36 tháng tuổi lĩnh hội và phát triển ngôn ngữ một cách trọn vẹn, qua, cô giáo mầm non phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Qua đó xác định về đặc điểm khả năng về ngôn ngữ của trẻ như là trẻ phát triển bình thường về ngôn ngữ hay không, có khả năng nghe hiểu lời nói của mọi người như diễn đạt những suy nghĩ, ý kiến và mong muốn của bản thân bằng lời nói cho người khác hay không. Từ đó, giáo viên có thể đưa ra các biện pháp tác động phù hợp với từng cá nhân trẻ nhằm giúp trẻ phát triển ngôn ngữ một cách đầy đủ, trọn vẹn, đúng như sự phát triển mà lứa tuổi của trẻ phải đạt được. Kết quả đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ là cơ sở cần thiết để cô giáo mầm non xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ, theo dõi sát sao quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ ở từng giai đoạn. Mặt khác, kết quả này còn là thông tin cần thiết để thông báo cho cha mẹ trẻ về năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ trong các hoạt động diễn ra trong chế độ sinh hoạt ngày của trẻ ở trường mầm non.

2.1.3. Mục đích đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Miller⁴ đã giới thiệu 3 mục đích khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, trong đó có trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi, cụ thể như sau: “Nhằm phát hiện những vấn đề bất bình thường tiềm ẩn trong ngôn ngữ của trẻ. Nhằm đánh giá được năng lực ngôn ngữ hiện tại của trẻ. Nhằm mục đích can thiệp sớm và đánh giá hiệu quả của việc can thiệp sớm”.

2.1.4. Nội dung đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi biểu hiện cụ thể ở 2 lĩnh vực: nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói. Cả hai năng lực này đều liên quan đến việc nhận thức và hiểu biết về các sự vật (object) hoặc sự kiện (events), đến việc hiểu nghĩa của từ và dùng từ cũng như các nguyên tắc sắp xếp các từ để tạo thành câu theo cấu trúc ngữ pháp, đến việc phát âm theo những quy tắc, chuẩn mực nhất định để có thể thực hiện được hoạt động giao tiếp trong xã hội.

Chính vì vậy khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, phải xây dựng được các hạng mục kiểm tra bao gồm đầy đủ các yếu tố nói trên, cụ thể là các hạng mục kiểm tra xây dựng để đánh giá năng lực ngôn ngữ cho trẻ phải bao gồm cả việc nghe hiểu lời nói và việc sử dụng lời nói của trẻ. Mỗi lĩnh vực đều bao gồm đầy đủ các nội dung được xây dựng để đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ theo các yếu tố của ngôn ngữ như khả năng phát âm, việc hiểu nghĩa của từ và câu, khả năng dùng từ, đặt câu của trẻ.

2.1.5. Phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Miller⁴ đã đưa ra 4 phương pháp đánh giá ngôn ngữ của trẻ, cụ thể là đánh giá tiêu chuẩn hóa (Standardization test), đánh giá sự phát triển (Development standard), đánh giá phi tiêu chuẩn hóa (Non-standardization test), và quan sát hành động (Action observe). Trình tự đánh giá phải được lựa chọn dựa theo mục đích đánh giá. Khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi có thể áp dụng nhiều phương pháp đánh giá tùy thuộc mục đích đánh giá, căn cứ vào trình tự và cách thức tiến hành test, có thể chia phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ ra làm 2 phương pháp lớn:

“Một là, phương pháp kiểm tra trực tiếp của người kiểm tra trên đối tượng kiểm tra. Ở phương pháp kiểm tra này, người kiểm tra phải tiến hành trực tiếp trên đối tượng trẻ và phải thực hiện theo một trình tự nghiêm ngặt, từ

việc trực tiếp kiểm tra từng hạng mục của bộ công cụ, trực tiếp quan sát và ghi chép kết quả, đến việc trực tiếp chấm điểm và tính điểm cho trẻ. Hai là, phương pháp kiểm tra gián tiếp như là quan sát hành động của trẻ hoặc phỏng vấn bố mẹ/người trực tiếp chăm sóc trẻ” Miller⁴.

Phương pháp kiểm tra trực tiếp có thể mang lại một kết quả khách quan có độ tin cậy và tính chính xác cao. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp như độ tuổi của trẻ quá nhỏ hoặc trẻ có những biểu hiện không bình thường cần phải kiểm tra để cụ thể hóa những bất thường ở trẻ, người ta thường chọn phương pháp kiểm tra gián tiếp như quan sát hành động hay phỏng vấn bố mẹ hoặc những người chăm sóc trẻ.

2.2. Khảo sát thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng

2.2.1. Mục đích khảo sát

Phân tích thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi của giáo viên tại các trường mầm non, từ đó đề xuất xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

2.2.2. Nội dung khảo sát

Khảo sát mức độ thường xuyên, nội dung, phương pháp và công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

2.2.3. Đối tượng, phạm vi khảo sát

Đối tượng khảo sát: 275 giáo viên mầm non đang làm công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi tại các trường mầm non của một số tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ, trong đó 71 giáo viên thâm niên công tác dưới 5 năm (chiếm tỉ lệ 25.8%), 115 giáo viên thâm niên công tác từ 5 đến 10 năm (chiếm tỉ lệ 41.8%), 89 giáo viên thâm niên công tác trên 10 năm (chiếm tỉ lệ 32.4%).

2.2.4. Phương thức khảo sát: Khảo sát online bằng Google Form.

2.2.5. Kết quả khảo sát

2.2.5.1. Mức độ thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ

Nội dung khảo sát về mức độ thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng, kết quả thu được thể hiện cụ thể qua bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Mức độ thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng

TT	Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ %
----	--------	----------	---------

1	Thường xuyên	257	93.5
2	Thỉnh thoảng	18	6.5
3	Hiếm khi	0	0.0
4	Không đánh giá	0	0.0
	Tổng	275	100

Kết quả thống kê bảng 1 cho thấy, hầu hết giáo viên mầm non thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi (chiếm tỉ lệ 93.5%); chỉ có 18 giáo viên mầm non (chiếm tỉ lệ 6.5%) thỉnh thoảng đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi; không có giáo viên mầm non nào không đánh giá hoặc hiếm khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ. Điều này cho thấy, giáo viên mầm non thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

2.2.5.2. Về nội dung đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Năng lực ngôn ngữ của trẻ gồm năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói, khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ đánh giá đầy đủ cả 2 năng lực này. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Bảng 2. Nội dung đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

TT	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Nghe hiểu lời nói	62	22.55
2	Sử dụng lời nói	59	21.45
3	Cả 2 năng lực trên	152	55.27
4	Ý kiến khác	2	0.73
	Tổng	275	100

Kết quả khảo sát thu được từ bảng 2 cho thấy, có 152 giáo viên mầm non (chiếm tỉ lệ 55.27%) đánh giá đầy đủ cả năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ. Có 11 giáo viên mầm non (chiếm tỉ lệ 22.55%) chỉ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói của trẻ, 11 giáo viên mầm non (chiếm tỉ lệ 21.45%) chỉ đánh giá năng lực sử dụng lời nói của trẻ. Như vậy, có khoảng 44% giáo viên thực hiện khảo sát đánh giá chưa đầy đủ năng lực ngôn ngữ của trẻ. Có 2 ý kiến của giáo viên mầm non (chiếm tỉ lệ 0.73%) cho rằng, họ thường đánh giá năng lực ngôn ngữ theo tiêu chí ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ biểu đạt.

2.2.5.3. Về phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Bảng 3. Phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

TT	Phương pháp đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ %
----	----------------------	----------	---------

1	Quan sát những biểu hiện của trẻ trong hoạt động ngôn ngữ thông qua các hoạt động hằng ngày	246	89.45
2	Đánh giá năng lực ngôn ngữ thông qua các trắc nghiệm chuẩn hóa hoặc bảng kiểm	12	4.36
3	Trò chuyện với phụ huynh/người chăm sóc trẻ về năng lực ngôn ngữ của trẻ	187	68.0
4	Phương pháp khác	0	0.00

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy, phương pháp quan sát những biểu hiện của trẻ trong hoạt động ngôn ngữ thông qua các hoạt động hằng ngày được giáo viên sử dụng nhiều nhất (chiếm tỉ lệ 89.45%), tiếp đến là phương pháp trò chuyện với phụ huynh/người chăm sóc trẻ về năng lực ngôn ngữ của trẻ (chiếm tỉ lệ 68.0%), phương pháp trắc nghiệm chuẩn hóa hoặc bảng kiểm ít được giáo viên sử dụng (chiếm tỉ lệ 4.36%). Thực tiễn ở các cơ sở giáo dục mầm non hiện nay ở nước ta, có rất ít các trắc nghiệm chuẩn hóa hoặc bảng kiểm đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

2.2.5.4. Về công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Bảng 4. Công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

TT	Công cụ đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Phiếu quan sát những biểu hiện của trẻ trong hoạt động ngôn ngữ thông qua các hoạt động hằng ngày	178	64.73
2	Trắc nghiệm Denver II hoặc bảng kiểm phát triển	12	4.36
3	Phiếu trò chuyện với phụ huynh/người chăm sóc để thu thập thông tin về năng lực ngôn ngữ của trẻ	85	30.9
4	Công cụ khác	0	0.00

Bảng 4 cho thấy, giáo viên mầm non sử dụng tương đối đa dạng các công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng

tuổi, trong đó công cụ đánh giá chủ yếu là phiếu quan sát những biểu hiện của trẻ trong hoạt động ngôn ngữ thông qua các hoạt động hằng ngày (chiếm tỉ lệ 64.73%), tiếp đến là phiếu trò chuyện với phụ huynh/người chăm sóc để thu thập thông tin về năng lực ngôn ngữ của trẻ (chiếm tỉ lệ 30.9%); các trắc nghiệm chuẩn hóa như trắc nghiệm Denver II, bảng kiểm phát triển ít được giáo viên sử dụng (chiếm tỉ lệ 4.36%). Nguyên nhân là nhiều trường mầm non chưa có các bộ công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, giáo viên mầm non chưa được tiếp cận, hướng dẫn cách sử dụng một số công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12 đến 36 tháng tuổi. Vì vậy, rất cần xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

Tóm lại, lực ngôn ngữ trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi cho thấy, hầu hết giáo viên mầm non thường xuyên đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ từ 12 đến 36 tháng; về nội dung đánh giá: 55.27% giáo viên mầm non đánh giá đầy đủ cả năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ; 22.55% giáo viên mầm non chỉ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói của trẻ; 21.45% giáo viên mầm non chỉ đánh giá năng lực sử dụng lời nói của trẻ; Về phương pháp đánh giá, phương pháp quan sát được giáo viên mầm non sử dụng nhiều nhất (89.45%), tiếp đến là phương pháp trò chuyện (68.0%), phương pháp trắc nghiệm chuẩn hóa hoặc bảng kiểm ít được giáo viên sử dụng (4.36%); Về công cụ đánh giá, giáo viên mầm non sử dụng tương đối đa dạng các công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, trong đó công cụ được giáo viên mầm non sử dụng nhiều là phiếu quan sát, phiếu trò chuyện, các trắc nghiệm chuẩn hóa hoặc bảng kiểm ít được sử dụng.

3. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát trên cho thấy sự thiếu hụt về công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 – 36 tháng tuổi cũng như việc kiểm tra sự phát triển ngôn ngữ của trẻ còn nhiều khó khăn, không thường xuyên và khó có thể xác định được chính xác khả năng ngôn ngữ của trẻ. Chính vì vậy, đây là một lĩnh vực cần phải sự đầu tư và nghiên cứu sâu để xây dựng ra một bộ công cụ hỗ trợ giáo viên trong việc đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ. Bộ công cụ này không chỉ giúp cho giáo viên mầm non đang trực tiếp dạy các nhóm trẻ trong độ tuổi từ 12 đến 36 tháng tuổi đánh giá được sự phát

triển ngôn ngữ của từng trẻ, từ đó lựa chọn ra nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục phù hợp tác động để giúp trẻ phát triển ngôn ngữ được tốt nhất, mà còn giúp cho giảng viên sư phạm và sinh viên chuyên ngành Giáo dục Mầm non có tư liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, học tập. Ngoài ra, bộ công cụ còn giúp phụ huynh của trẻ có thể đánh giá được năng lực ngôn ngữ của con em mình để chủ động tìm đến sự tư vấn chuyên môn khi phát hiện con em có vấn đề về ngôn ngữ.

27.12.2024. Khảo sát thực trạng đánh giá năng lực ngôn ngữ -plagchecked.doc

ORIGINALITY REPORT

63%

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	tailieu.vn Internet	1241 words — 31%
2	text.123docz.net Internet	154 words — 4%
3	vista.gov.vn Internet	119 words — 3%
4	benh.com.vn Internet	108 words — 3%
5	tottochancare.wordpress.com Internet	97 words — 2%
6	Ton Duc Thang University Publications	42 words — 1%
7	kynangnghiepvusupham.blogspot.com Internet	42 words — 1%
8	bktech.hut.edu.vn Internet	39 words — 1%
9	sangkienkinhnghiem.com Internet	39 words — 1%

10	Hanoi Pedagogical University 2 Publications	38 words — 1%
11	qlkh-htqt.sptwnt.edu.vn Internet	32 words — 1%
12	websrv2.dthu.edu.vn Internet	31 words — 1%
13	Hanoi Pedagogical University 2 Publications	25 words — 1%
14	Hanoi University Publications	24 words — 1%
15	doc.edu.vn Internet	23 words — 1%
16	123docz.net Internet	21 words — 1%
17	cokhivietnam.vn Internet	21 words — 1%
18	text.xemtailieu.net Internet	21 words — 1%
19	www.tailieudaihoc.com Internet	21 words — 1%
20	www.techrum.vn Internet	17 words — < 1%
21	shophoamattroi.net Internet	16 words — < 1%

stdb.hnue.edu.vn

22	Internet	16 words — < 1%
23	tnu.edu.vn Internet	16 words — < 1%
24	www.vnies.edu.vn Internet	16 words — < 1%
25	cochlear.com.vn Internet	13 words — < 1%
26	Phạm T.T., Nông Nguyễn K.N., Ngô H.C.. "Người mua và dịch vụ môi trường rừng ngập mặn tiềm năng tại Hải Phòng, Việt Nam", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2020 Crossref	12 words — < 1%
27	bengoisao.vn Internet	12 words — < 1%
28	docplayer.fr Internet	12 words — < 1%
29	qnu.edu.vn Internet	12 words — < 1%
30	McShane. Encyclopedia of Juvenile Justice Publications	11 words — < 1%
31	sgddt.quangbinh.gov.vn Internet	11 words — < 1%
32	Hanoi National University of Education Publications	10 words — < 1%

33	hoangmai.hanoi.gov.vn Internet	10 words — < 1%
34	luanvan.co Internet	10 words — < 1%
35	mbs.com.vn Internet	10 words — < 1%
36	sangkienkinhnghiem.net Internet	10 words — < 1%
37	text.123doc.org Internet	10 words — < 1%
38	www.researchgate.net Internet	10 words — < 1%
39	bridgeblue.edu.vn Internet	9 words — < 1%
40	khunglongcon.net Internet	9 words — < 1%
41	luanvan.org Internet	9 words — < 1%
42	pdfslide.tips Internet	9 words — < 1%
43	www.thienthancuame.edu.vn Internet	9 words — < 1%
44	xahoinhanvan.cdsptw.edu.vn Internet	9 words — < 1%

45	Internet	8 words — < 1%
46	documents.mx Internet	8 words — < 1%
47	ducgiang.longbien.hanoi.gov.vn Internet	8 words — < 1%
48	dulieu.tailieuhocvap.vn Internet	8 words — < 1%
49	hta.org.vn Internet	8 words — < 1%
50	tuvisomenh.com.vn Internet	8 words — < 1%
51	websrv.dthu.edu.vn Internet	8 words — < 1%
52	www.ier.edu.vn Internet	8 words — < 1%
53	www.nordangliaeducation.com Internet	8 words — < 1%
54	www.vuithich.com Internet	8 words — < 1%

EXCLUDE QUOTES OFF
EXCLUDE BIBLIOGRAPHY OFF

EXCLUDE SOURCES OFF
EXCLUDE MATCHES OFF